TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ THIỆN
TỈNH GIA L
Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15/ 7/ 2020
"V/v: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN TỈNH GIA L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Ruyệt.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chế Công Nghị và ông Rmah Ét.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Phú Thiện tham gia phiên tòa*: Ông Vi Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2019/TLST- HN&GĐ ngày 06/ 12/ 2019; về yêu cầu "*Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 05/ 6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Bá L, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Thôn T, xã A , huyện P, Gia L(có mặt).

Bị đơn: Bà Đào Thị N, sinh năm: 1978;
Địa chỉ: Thôn T , xã A, huyện P, Gia L(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2019, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Bá L trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô Đào Thị N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau; được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục, chúng tôi chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, nhưng không có đăng ký kết hôn; trong cuộc sống chung không có hạnh phúc, có nhiều khúc mắc, mẫu thuẫn thường xuyên xẩy ra; nguyên nhân chính là do cô N ham chơi bời, tụ tập bạn bè không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình về tình cảm cũng như về tinh thần, để cùng nhau xây dựng gia đình nuôi dạy con cái, nên cuộc sống chung trong gia đình hay bất hòa, quan điểm sống thường trái ngược nhau; cô N tự ý bỏ nhà đi nhiều lần, sự việc trên thì gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhưng cuộc sống chung giữa tôi và cô N không thể tồn tại được, hiện tôi không còn tình cảm với cô N nữa, chúng tôi đã ly

thân nhau 06 năm nay rồi; vậy yêu cầu Toà án giải quyết về hôn nhân Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi với cô Đào Thị N.

Về con chung: Tôi và cô Đào Thị N có 01 con chung, tên Nguyễn Bá C, sinh ngày 15/4/2000; hiện tại cháu Ch đã thành niên tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Đối với bị đơn chị Đào Thị N; Tòa án huyện Phú Thiện, đã tiến hành triệu tập nhưng chị N không lên trụ sở Tòa án, không ký nhận văn bản Tố tụng, không khai báo, nên Tòa án phải đi xác minh và lập các thủ tục Niêm yết công khai các văn bản tố tụng như: Giấy triệu tập, Thông báo hoà giải tại Uỷ ban nhân dân xã; tại trụ sở Toà án và địa chỉ của chị N theo đúng quy định của pháp luật, nhưng chị N vẫn không tham gia tố tụng, không hợp tác cùng Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia L phát biểu quan điểm về tố tụng và nội dung vụ án như sau:

Căn cứ vào khoản 4 điều 27 Luật tổ chức Viện kiểm sát;

Căn cứ các Điều 21; 28; 35; 147; 170; 203; 205; 232 và 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư số: 01/ 2016/ TTLT/ TANDTC -VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 47; Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, từ khâu thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận và hòa giải, các bước tống đạt quy trình tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định, đúng thẩm quyền giải quyết, thời gian giải quyết vụ án đảm bảo, giải quyết theo yêu cầu nội dung khởi kiện; Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự các bước của phiên tòa dân sự sơ thẩm.

Về Nội dung: Quan hệ về tranh chấp Không công nhận quan hệ vợ chồng là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định.

Về con chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

Về án phí: anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn theo

đúng quy định của pháp luật, bị đơn có đến làm việc nhưng không hợp tác cùng Tòa án để ký nhận văn bản tố tụng; vì vậy Tòa án phải niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định; tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, nên phải hoãn phiên tòa; mở phiên toà xét xử lần thứ hai theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: anh Nguyễn Bá L và chị Đào Thị N, tìm hiểu thương yêu nhau trên cở sở tự nguyện, anh L và chị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định; mặc dù Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân - gia đình và Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 27/10/2001 quy định chi tiết về đăng ký kết hôn, nhưng anh L và chị N vẫn không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của anh L và chị N là không hợp pháp; theo Thông tư số: 01/2016/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 và Luật hôn nhân và gia đình, anh L yêu cầu giải quyết về hôn nhân, thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

Xét cuộc sống chung của anh L và chị N không có hạnh phúc, tình cảm giữa anh L và chị N không còn thương yêu nhau nữa, đã sống ly thân nhau 6 năm rồi, mâu thuẫn của anh L và chị N không thể khắc phục được, thường xuyên xẩy ra hơn, hôn nhân ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố Không công nhận quan hệ vợ chồng, giữa anh L và chị N là có căn cứ đúng pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: anh L không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: anh L và chị N có 01 con chung, tên Nguyễn Bá Chiến, sinh ngày 15/4/2000; hiện tại cháu Chiến đã thành niên; vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện tại phiên tòa là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; 35; 39; 147; 170 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư số: 01/2016/TTLT/TANDTC-VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 47; Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bá L.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan vợ chồng giữa anh Nguyễn Bá L và chị Đào Thị N.

Về án phí: anh Nguyễn Bá L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng, theo Biên L thu tiền tạm ứng án phí số: 0006398 ngày 04/12/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Thiện, tỉnh Gia L; anh L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (15/7/2020) các đương sự có quyền kháng cáo bản án; riêng chị N vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã phường nơi cư trú, lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia L để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh;
-VKSND.H Phú Thiện;
-Chi cục THADS.H Phú Thiện;
-Người tham gia tố tụng;
-UBND xã, thị trấn;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Đức Ruyệt